

Bản án số: 39/2020/HS-ST  
Ngày 08-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Vũ Đình Mạnh và ông Nguyễn Đức Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 tại phường Đ, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Đào Thị B; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thu H và có 1 con.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Quyết định số 04/QĐ-XPVPHC ngày 19/9/2019, Công an phường Phùng Chí Kiên, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 23/9/2019 bị cáo chấp hành xong quyết định.

Nhân thân: Quyết định số 137/QĐ-XPHC ngày 28/10/2016, Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 04/11/2016 bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/5/2020 đến nay. Có mặt.

**- Những người bị hại:**

1. Anh Vũ Bá Z, sinh năm 1972;
2. Chị Phạm Thị N, sinh năm 2001;

Đều có nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương;

3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961; Nơi cư trú: đường T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Anh Z, chị N, bà X đều vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: tổ dân phố T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Hưng Yên;

2. Anh Nguyễn Trường L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: đường N, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên;

3. Chị Phạm Thị C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: đường T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương;

4. Bà Phạm Thị Ngọc V, sinh năm 1968; Nơi cư trú: thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương;

(Chị H có mặt; Anh L, chị C, bà V vắng mặt)

**- Người làm chứng:**

Anh Vũ Bá H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 14/3/2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 89F1-161.xx đi từ nhà ở Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Hưng Yên đến huyện B, tỉnh Hải Dương, mục đích tìm xem nhà nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi T đang đi trên đường Tỉnh lộ 395, thuộc địa phận thôn M, xã V, huyện B phát hiện thấy nhà anh Vũ Bá Z không khóa cổng, trên hiên nhà có để 01 máy hàn nhãn hiệu THP AmiZX7-200 được nối với cuộn dây điện để ở sân. Quan sát thấy không có người, T dựng xe mô tô ở ngoài đường rồi đi bộ vào trong sân để lấy trộm chiếc máy hàn nhà anh Z. Khi T đang thu gọn cuộn dây điện của máy hàn thì bị anh Vũ Bá H là em trai anh Z cùng quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ, bàn giao cho Công an xã Vĩnh Hồng và Công an huyện Bình Giang phối hợp giải quyết. Sau khi tiếp nhận vụ việc và đối tượng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang tiến hành lập biên bản vụ việc, quản lý của Nguyễn Văn T 01 xe mô tô BKS 89F1-161.xx; 01 ví da màu nâu đen, bên trong có 01 căn cước công dân, 01 thẻ sinh viên mang tên Phạm Thị X, 01 tờ giấy có ghi dãy số 040101 bằng mực màu xanh, 01 điện thoại Oppo A37FW màu hồng, 01 điện thoại Iphone 6 màu bạc.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo còn khai ra hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Khoảng 12 giờ ngày 17/02/2020, T điều khiển xe mô tô BKS 89F1-161.xx đi từ nhà đến huyện B, mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến thôn M, xã V, huyện B phát hiện thấy nhà chị Phạm Thị X không khóa cổng. Quan sát thấy không có người, T dựng xe ngoài đường, đi qua cổng vào trong sân thấy cửa ngách phòng ngủ của chị X mở, Tiếp lên vào trong lục tìm tài sản rồi lấy của chị X 01 máy Laptop HP 450 cùng dây xạc và 01 ví da màu đen để trên mặt bàn, 01 đôi bông tai bằng vàng tây (10k) khối lượng 0,5 chỉ, 01 dây chuyền bạc khối lượng 05 chỉ để ở ngăn kéo bàn cho vào trong ba lô giả da của chị X treo ở trên tường rồi tẩu thoát. Trên đường đi, T dừng lại kiểm tra thấy trong ví có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 đăng ký xe mô tô số 191166 (Biển số đăng ký 34AA-055.xx), 01 thẻ sinh viên đều mang tên Phạm X, 01 thẻ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) kèm 01 giấy thông báo số mật mã cá nhân mang tên Phạm Thị X, ghi bằng mực màu xanh số 0401xx. Ngay sau đó T đi đến cây ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) thuộc Khu đô thị T, thị trấn K, huyện B dùng thẻ ATM và mật khẩu là 0401xx rút được số tiền 1.000.000 đồng của chị X rồi đi về nhà. Trên đường về T vứt chiếc ba lô, ví da và thẻ ATM của chị X ở rìa đường không xác định được địa điểm, số tài sản còn lại T mang về cất giấu trong phòng ngủ của mình.

Khoảng 2 đến 3 ngày hôm sau (không xác định được cụ thể thời gian), T mang chiếc máy Laptop 450 cùng dây xạc bán cho anh Nguyễn Trường L được 1.100.000 đồng; bán đôi bông tai cho cửa hàng vàng bạc V Jewery của bà Phạm Thị Ngọc C được 700.000 đồng; bán sợi dây chuyền bạc cho cửa hàng vàng bạc V của bà Nguyễn Thị V được 300.000 đồng, toàn bộ số tiền có được T đã chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau, T đi đến cửa hàng xăng dầu xã H mua 30.000 đồng tiền xăng, nhưng do không có tiền nên T đã đưa đăng ký xe mô tô của chị X cho anh Vũ Văn L là nhân viên bán xăng để làm tin, khi nào trả tiền anh L sẽ trả lại. Ngày 14/3/2020, anh Vũ Văn L đã tự nguyện giao nộp đăng ký xe mô tô của chị X cho cơ quan điều tra; Ngày 15/3/2020, T đến cửa hàng của anh Nguyễn Trường L chuộc lại chiếc máy Laptop HP450 rồi giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng 01 giấy phép lái xe hạng A1 (số 011207002092 do Sở GTVT thành phố Hà Nội cấp ngày 07/01/2020) mang tên Phạm Thị X.

Tiếp đến, khoảng 09 giờ ngày 13/3/2020, T điều khiển xe mô tô BKS 89F1-161.xx chở cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2012 (là con chung của T và chị Nguyễn Thị Thu H, hiện chung sống như vợ chồng với T) và cháu Nguyễn Diệp C (là cháu ruột của T) đi đến cửa hàng bán đồ chơi của bà Nguyễn Thị V. Lúc này bà V đang ở trên tầng 2, T quan sát thấy trên mặt bàn uống nước phòng khách có để chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo A37FW màu hồng, T đi vào lấy điện thoại cất giấu vào túi quần, đi ra ngoài rồi chở cháu H và cháu C đi về nhà. Khi về đến nhà T tháo ốp nhựa vứt ở thùng rác trước cửa nhà, sim điện thoại T đã làm mất, còn điện thoại T sử dụng để chơi game. Ngày 14/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang đã quản lý chiếc điện thoại của bà V phục vụ công tác điều tra.

Kết luận số 11/KL-HĐĐG ngày 26/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Bình Giang kết luận: Chiếc máy hàn của anh Vũ Bá Z trị giá 1.200.000 đồng; Các tài sản của chị X, gồm: Máy Laptop HP 450 trị giá 1.000.000 đồng; 01 dây chuyền bạc khối lượng 05 chỉ trị giá 225.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 10k, khối lượng 0,5 chỉ trị giá 900.000 đồng; Chiếc ví da màu đen, chiếc ba lô giả da không có giá trị sử dụng; Chiếc điện thoại OPPO của bà Nguyễn Thị V trị giá 1.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 5.825.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 15-7-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa:*

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã nêu tại phiên tòa là có căn cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thu H xác định sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã nhờ chị đứng ra bồi thường cho chị Phạm Thị X số tiền 2.625.000<sup>d</sup>, bồi thường cho anh Vũ Văn L số tiền 30.000<sup>d</sup>. Số tiền trên chị tự nguyện cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho chị. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 89F1-161.xx chị H xác định đó là tài sản riêng của bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Bình Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15, Điều 57; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. điểm a Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Về tội danh: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt chính: Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/5/2020.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, Biển kiểm soát 89F1-161.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000<sup>d</sup> án phí hình sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản. Ngày 17/02/2020, tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của chị Phạm Thị X số tiền 1.500.000 đồng, 01 máy Laptop HP450 trị giá 1.000.000 đồng, 01 dây chuyền bạc trị giá 225.000 đồng, 01 đôi bông tai bằng vàng trị giá 900.000 đồng, 01 ba lô giả da và 01 ví da màu đen (không còn giá trị sử dụng) và một số giấy tờ cá nhân (gồm: căn cước công dân, giấy phép lái xe, chứng nhận đăng ký xe, thẻ sinh viên);

Ngày 13/3/2020, tại đường T, thị trấn K, huyện B, Nguyễn Văn T lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị V 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A37FW màu hồng, trị giá 1.000.000 đồng;

Tiếp đến, ngày 14/3/2020, tại thôn M, xã V, huyện B, Tiếp lén lút chiếm đoạt của anh Vũ Bá Z chiếc máy hàn nhãn hiệu THP AmiZX7-200, trị giá 1.200.000 đồng, bị quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của các bị hại là 5.825.000 đồng (của chị X 3.625.000 đồng, của bà V 1.000.000 đồng, của anh Z 1.200.000 đồng).

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, người quản lý tài sản, bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên hành vi bị cáo thực hiện đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt có tổng trị giá là 5.825.000 đồng nên VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân không tốt. Trong vụ án này, bị cáo 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong đó 1 lần chiếm đoạt tài sản trị giá trên 2 triệu đồng, 2 lần chiếm đoạt tài sản trị giá dưới 2 triệu đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa tiền sự nên mỗi lần trộm cắp đều đã cấu thành một tội phạm độc lập và được xét xử trong cùng một vụ án, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi trộm cắp ngày 17/02 và ngày 13/3/2020, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đối với hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 14/3/2020 thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên bị cáo được áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[5] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Bà Nguyễn Thị V là người mua của bị cáo dây chuyền bạc, bà Phạm Thị Ngọc C mua đôi bông tai bằng vàng, anh Nguyễn Trường L mua chiếc máy laptop, anh Vũ Văn L giữ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô do bị cáo đưa nhưng không biết các tài sản đó là do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại người bị hại các tài sản do bị cáo chiếm đoạt; đối với những tài sản không thu hồi được, bị cáo đã nhờ chị Nguyễn Thị Thu H (là người chung sống như vợ chồng với bị cáo) bồi thường cho chị Phạm Thị X toàn bộ thiệt hại về tài sản với tổng số tiền 2.625.000 đồng, anh Vũ Văn L số tiền 30.000 đồng. Những người bị hại là chị X, anh Z, bà V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác; chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền chị bỏ ra để bồi thường thay cho bị cáo nên trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 máy Laptop HP450 cùng dây sạc, 01 căn cước công dân, 1 thẻ sinh viên, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô 34AA-055.xx, 01 tờ giấy ghi mật khẩu thẻ ATM của chị X; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A37FW màu hồng của bà V, ngày 31/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang đã trả lại chị Phạm Thị X và bà Nguyễn Thị V là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với dây chuyền bạc của chị X, bị cáo bán cho bà Nguyễn Thị C, đôi bông tai bằng vàng của chị N, bị cáo bán cho bà Phạm Thị Ngọc C, sau đó bà C và bà C đã bán lại cho khách hàng, không xác định được nhân thân, lai lịch; 01 thẻ ATM, 01 ví da màu đen, 01 ba lô giả da của chị X; 01 ốp nhựa điện thoại Oppo và 01 sim điện thoại của bà V, bị cáo vứt đi không xác định được địa điểm, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 89F1-161.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe, tại giai đoạn điều tra bị cáo xác định là tài sản riêng của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo thay đổi lời khai, xác định tài sản trên là tài chung của bị cáo và chị Nguyễn Thị Thu H. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, chị H đều xác định đó là tài sản riêng của bị cáo nên có căn cứ để HĐXX xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 89F1-161.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản riêng của bị cáo T bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với điện thoại Iphone 6 và 01 ví da màu nâu đen thu giữ của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, ngày 08/5/2020 Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 15, Điều 57; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo;

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

**2. Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/5/2020.

**3. Về vật chứng:** Tịch thu phát mại nộp vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, Biển kiểm soát 89F1-161.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe (*Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang*).

**5. Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- CQ CSĐT – CA huyện Bình Giang;
- CCTHADS huyện Bình Giang;
- CQ THAHS huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS; Tòa án.

(Đã ký)

**Lê Thanh Nam**